

Số: 35/2011/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2011

THÔNG TƯ

Hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 30/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về thống kê khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về nội dung báo cáo thống kê cơ sở, chế độ báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ tại doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trường đại học, trường cao đẳng và các cơ sở đào tạo tương đương khác (sau đây gọi là đơn vị báo cáo).

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này hoạt động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Nội dung báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ

1. Báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ bao gồm các nội dung sau:

- a) Thông tin chung về đơn vị báo cáo;
- b) Thông tin về công nghệ;
- c) Thông tin về sản phẩm của công nghệ.

2. Báo cáo phải được điền đầy đủ các nội dung theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Mẫu báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn) và trang thông tin của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ (www.sati.gov.vn).

Điều 3. Quy định về việc gửi báo cáo

Các đơn vị báo cáo gửi báo cáo thống kê cơ sở về chuyển giao công nghệ của mình về Sở Khoa học và Công nghệ của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đơn vị đặt trụ sở chính.

Điều 4. Kỳ hạn báo cáo và thời hạn gửi báo cáo

1. Kỳ hạn báo cáo là 01 năm, tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

2. Thời hạn gửi báo cáo: các đơn vị báo cáo gửi báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 năm kế tiếp của năm báo cáo.

Điều 5. Hình thức, phương thức gửi báo cáo

1. Báo cáo phải được lập thành văn bản kèm theo tệp dữ liệu điện tử theo Mẫu quy định tại khoản 2 Điều 2 và phụ lục Thông tư này và gửi tới Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện và thư điện tử:

a) Báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng đơn vị báo cáo, gửi trực tiếp hoặc theo đường bưu điện;

b) Dữ liệu điện tử có thể nộp trực tiếp bằng đĩa quang, thiết bị lưu trữ dữ liệu (USB) hoặc gửi theo đường thư điện tử.

2. Đơn vị báo cáo chịu trách nhiệm về tính thống nhất của báo cáo bằng văn bản và tệp dữ liệu điện tử.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị báo cáo

1. Đơn vị báo cáo có quyền:

a) Được hướng dẫn và cung cấp thông tin, biểu mẫu thống kê theo các quy định tại Thông tư này;

b) Được bảo mật thông tin thống kê đã cung cấp theo quy định của pháp luật thống kê;

c) Được ưu tiên xét duyệt các nhiệm vụ, đề tài, dự án thuộc các chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh và tương đương.

2. Đơn vị báo cáo có trách nhiệm:

a) Báo cáo đầy đủ, trung thực, khách quan và đúng nội dung thông tin được quy định trong Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung báo cáo;

b) Nộp và gửi báo cáo đúng kỳ hạn.

Điều 7. Quyền hạn và trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có quyền đơn đốc, yêu cầu đơn vị báo cáo gửi báo cáo đúng thời hạn và xác minh lại thông tin khi cần thiết.

2. Có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các đơn vị báo cáo trên địa bàn thực hiện báo cáo thống kê cơ sở về chuyên giao công nghệ theo hướng dẫn tại Thông tư này;

b) Kiểm tra, xử lý, tổng hợp số liệu từ các báo cáo thống kê cơ sở về chuyên giao công nghệ thành báo cáo thống kê tổng hợp;

c) Gửi báo cáo thống kê tổng hợp về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ) theo đúng thời hạn quy định tại Thông tư hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp về chuyên giao công nghệ;

d) Bảo mật thông tin thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và xử lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, UDPTCN.



STT	Tên đơn vị trực thuộc có tư	Họ và tên thủ trưởng	Thông tin
1			Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ

Mã số	Nội dung báo cáo	Số lượng	Ghi chú
C1	Công nghệ		
C1.1	Công nghệ chuyên giao	<input type="checkbox"/>	
C1.2	Công nghệ nhận chuyển giao	<input type="checkbox"/>	
C2	Tên công nghệ		
C3	Giấy phép chuyển giao công nghệ (nếu có): Số: ... ngày...tháng...năm....., nơi cấp.....		
C4	Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ (nếu có): Số: ... ngày...tháng...năm....., nơi cấp.....	<input type="checkbox"/>	
C5	Tổng giá trị mua bán công nghệ (triệu đồng VN)		
C5.1	Kinh phí Nhà nước (triệu đồng VN)		
C5.2	Kinh phí của đơn vị báo cáo (triệu đồng VN)		
C5.3	Kinh phí của cơ quan quản lý trực tiếp (triệu đồng VN)		
C5.4	Kinh phí khác (triệu đồng VN)		
C6	Nội dung chuyển giao công nghệ:		
C6.1	Bí quyết kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	
C6.2	Trợ giúp kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	
C6.3	Đào tạo	<input type="checkbox"/>	
C6.4	Li xăng đối tượng sở hữu công nghiệp	<input type="checkbox"/>	
C6.5	Tài liệu kỹ thuật	<input type="checkbox"/>	
C7	Hình thức chuyển giao công nghệ:		
C7.1	Chuyển giao toàn bộ công nghệ	<input type="checkbox"/>	
C7.2	Chuyển giao một phần công nghệ	<input type="checkbox"/>	
C8	Xuất xứ công nghệ chuyển giao:		
C8.1	Nước ngoài	<input type="checkbox"/>	
C8.2	Khu vực viện, trường trong nước	<input type="checkbox"/>	
C8.3	Doanh nghiệp trong nước	<input type="checkbox"/>	
C9	Năm ra đời công nghệ:		
C9.1	Trong 3 năm gần nhất	<input type="checkbox"/>	
C9.2	Trong 5 năm gần nhất	<input type="checkbox"/>	
C9.3	Sau 5 năm gần nhất	<input type="checkbox"/>	

III. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM CỦA CÔNG NGHỆ

Mã số	Nội dung báo cáo	Kết quả
S1	Sản phẩm công nghệ	
S1.1	Sản phẩm của công nghệ chuyển giao	<input type="checkbox"/>
S1.2	Sản phẩm của công nghệ nhận chuyển giao	<input type="checkbox"/>
S2	Tên sản phẩm	
S3	Ký hiệu sản phẩm:	
S4	Sản lượng (sản phẩm/năm)	

S5	Tiêu chuẩn sản phẩm đạt được:	
S5.1	Tiêu chuẩn quốc tế	<input type="checkbox"/>
S5.2	Nước ngoài Tên nước:	<input type="checkbox"/>
S5.3	Tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	<input type="checkbox"/>
S5.4	Tiêu chuẩn cơ sở	<input type="checkbox"/>
S6	Công suất dây chuyền sản xuất đạt được so với thiết kế ban đầu (%)	
S.6.1	Từ 100 trở lên	<input type="checkbox"/>
S.6.2	Từ 80-100	<input type="checkbox"/>
S.6.3	Từ 60-79	<input type="checkbox"/>
S.6.4	Dưới 60	<input type="checkbox"/>
S7	Tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu (%)	
S.7.1	Trên 70	<input type="checkbox"/>
S.7.2	Từ 50-69	<input type="checkbox"/>
S.7.3	Từ 30-49	<input type="checkbox"/>
S.7.4	Dưới 30	<input type="checkbox"/>

Người lập biểu

....., ngày tháng năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

B. HƯỚNG DẪN ĐIỀN BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ VỀ CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ

Mã số của tỉnh:

Ghi mã số tỉnh vào ô vuông ở phần “Đơn vị nhận báo cáo” theo mã số thống kê của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ví dụ:

- Tỉnh Hà Giang

0	2
---	---

Mã tỉnh, thành phố		
STT	Mã tỉnh	Tỉnh, thành phố
1	01	HÀ NỘI
2	02	HÀ GIANG
3	04	CAO BẰNG
4	06	BẮC KẠN
5	08	TUYÊN QUANG
6	10	LÀO CẠI
7	11	DIỆN BIÊN
8	12	LAI CHÂU
9	14	SƠN LA
10	15	YÊN BÁI
11	17	HOÀ BÌNH
12	19	THÁI NGUYÊN
13	20	LẠNG SƠN
14	22	QUANG NINH
15	24	BẮC GIANG
16	25	PHÚ THỌ
17	26	VĨNH PHÚC
18	27	BẮC NINH
19	30	HẢI DƯƠNG
20	31	HẢI PHÒNG
21	33	HUNG YÊN
22	34	THÁI BÌNH
23	35	HÀ NAM
24	36	NAM ĐỊNH
25	37	NINH BÌNH
26	38	THANH HOÁ
27	40	NGHỆ AN
28	42	HÀ TĨNH
29	44	QUẢNG BÌNH
30	45	QUẢNG TRỊ
31	46	THỪA THIÊN HUẾ

32	48.	ĐÀ NẴNG
33	49	QUẢNG NAM
34	51	QUẢNG NGÃI
35	52	BÌNH ĐỊNH
36	54	PHÚ YÊN
37	56	KHÁNH HOÀ
38	58	NINH THUẬN
39	60	BÌNH THUẬN
40	62	KON TUM
41	64	GIA LAI
42	66	ĐẮK LẮK
43	67	ĐẮK NÔNG
44	68	LÂM ĐỒNG
45	70	BÌNH PHƯỚC
46	72	TÂY NINH
47	74	BÌNH DƯƠNG
48	75	ĐỒNG NAI
49	77	BÀ RỊA - VŨNG TÀU
50	79	HỒ CHÍ MINH
51	80	LONG AN
52	82	TIỀN GIANG
53	83	BẾN TRE
54	84	TRÁ VINH
55	86	VĨNH LONG
56	87	ĐỒNG THÁP
57	89	AN GIANG
58	91	KIÊN GIANG
59	92	CẦN THƠ
60	93	HẬU GIANG
61	94	SÓC TRĂNG
62	95	BẠC LIÊU
63	96	CÀ MAU

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị báo cáo:

Ghi đầy đủ tên của đơn vị báo cáo như trong Quyết định thành lập đơn vị hoặc:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (nếu có);
- b) Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (nếu có).

Chú ý: Không viết tắt các từ trong tên đơn vị báo cáo trừ khi đó là những từ viết tắt có trong tên của đơn vị báo cáo.

2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có):

Ghi tên viết tắt quy định được ghi trong Điều lệ hoặc trong Quyết định thành lập được sử dụng trong giao dịch của đơn vị.

Ví dụ: SATI

3. Tên tiếng Anh (nếu có):

Nếu có tên tiếng Anh, ghi tên tiếng Anh đầy đủ, không viết tắt. Sử dụng tên tiếng Anh chính thức được ghi trong Điều lệ hoặc trong quyết định thành lập.

*Ví dụ: tên tiếng Anh của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ
State Agency for Technology Innovation.*

4. Địa chỉ:

Ghi cụ thể thành 02 phần:

- Số nhà, đường phố, phường/xã, quận/huyện, thành phố/thị xã thuộc tỉnh;
- Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương.

Thí dụ: Công ty cổ phần chuyển giao công nghệ Việt

Địa chỉ:

+ Số nhà 26, phố Đội cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình

+ Tỉnh/TP: Hà Nội

5. Phương tiện liên lạc:

- Ghi các phương tiện sử dụng liên lạc với đơn vị báo cáo gồm: Số điện thoại, số máy Fax, địa chỉ thư điện tử (Email), trang Web;

- Điện thoại và fax, ghi bao gồm mã vùng và số điện riêng; Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu gạch ngang.

Ví dụ: 04-2242 3404

- Email: Ghi địa chỉ Email của cơ quan nếu có. Trường hợp không có email chung của cơ quan, ghi địa chỉ email của Thủ trưởng đơn vị;

Ví dụ: sati@most.gov.vn

- Website: Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị báo cáo nếu có.

Ví dụ: http://www.most.gov.vn

6. Số và ngày Quyết định thành lập:

a) Số Quyết định thành lập:

- Ghi theo số Quyết định thành lập đơn vị; trường hợp không xác định được Quyết định thành lập, ghi số Quyết định của cơ quan cấp trên có thẩm quyền ban hành điều lệ, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị báo cáo, hoặc Quyết định và ngày ký về chia, tách, sát nhập, v.v...;

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ (nếu có);

- Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (nếu có).

Ví dụ: 1276/QĐ-BKHCHN

b) Ngày Quyết định thành lập:

Ghi theo ngày Quyết định thành lập đơn vị. Ghi theo mẫu NgNg/TT/NNNN, trong đó:

- NgNg là hai chữ số của ngày;

- TT là hai chữ số của tháng;

- NNNN là bốn chữ số của năm.

Ví dụ: 02/07/2010

7. Cơ quan cấp Quyết định thành lập:

Đánh dấu vào các ô phù hợp tương ứng ví dụ:

- *Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ: Đơn vị/tổ chức do Chính phủ hoặc Quyết định cá biệt của Thủ tướng Chính phủ thành lập; thông thường, đơn vị được thành lập bằng Nghị định Chính phủ hoặc được nêu tên trong Nghị định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, ngành, hoặc được thể hiện bằng Nghị định Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức đó;*

- *Bộ/ngành: là đơn vị do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án tòa án nhân dân tối cao;*

- *Cấp tỉnh: là đơn vị/tổ chức do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập;*

- Cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội-nghề nghiệp quyết định thành lập;

- Cấp cơ sở: là đơn vị KH&CN được cơ quan nhà nước, tổ chức KH&CN thành lập hoặc tự thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật.

8. Cơ quan quản lý trực tiếp:

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị báo cáo. Ví dụ:

- Nếu đơn vị báo cáo là Trung tâm Thiết kế, Chế tạo và Thử nghiệm, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội;

- Nếu đơn vị báo cáo là Viện Ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Loại hình của đơn vị báo cáo:

Chọn và đánh dấu vào một mục phù hợp nhất theo đúng Quyết định thành lập đơn vị (chỉ đánh dấu vào một ô), ví dụ:

- Đơn vị báo cáo là tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thì đánh dấu vào ô tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

- Đơn vị báo cáo là doanh nghiệp thì đánh dấu vào ô tương ứng.

10. Thành phần kinh tế của đơn vị báo cáo:

Chọn và đánh dấu vào một ô phù hợp theo (chỉ đánh dấu vào một ô), ví dụ:

- Thành phần kinh tế nhà nước;

- Thành phần kinh tế tư nhân;

- Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

- Thành phần kinh tế tập thể.

11. Lĩnh vực công nghệ chuyên giao:

Lĩnh vực công nghệ được chuyển giao hoặc nhận chuyển giao ghi theo chuyên ngành khoa học và công nghệ (lớp cấp 2) của Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN ngày 4 tháng 9 năm 2008 về việc ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ.

Ví dụ:

- Công nghệ sinh học môi trường mã số 208;

- Công nghệ trồng trọt mã số 401.

12. Tổng doanh thu của đơn vị báo cáo:

Ghi tổng số doanh thu của đơn vị báo cáo sau khi đã trừ thuế, *đơn vị tính là tỷ đồng Việt Nam.*

13. Tổng doanh thu thuần của đơn vị báo cáo:

Ghi doanh thu thuần (doanh thu trước thuế) của đơn vị báo cáo.

14. Tổng doanh thu từ sản phẩm chuyển giao công nghệ:

Ghi doanh thu từ sản phẩm chuyển giao công nghệ của đơn vị báo cáo.

15. Thông tin về số liệu trong các biểu Mẫu báo cáo:

Chỉ chọn đánh dấu một ô trong hai lựa chọn:

- Nếu báo cáo bao gồm toàn bộ đơn vị, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân thì chọn "Bao gồm số liệu của toàn bộ đơn vị/tổ chức, kể cả các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân";

- Nếu là đơn vị có nhiều đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân và báo cáo chỉ bao quát khối cơ quan tổng hợp (như văn phòng và những đơn vị không có tư cách pháp nhân thì chọn "Chỉ bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân").

Ví dụ:

Trường Đại học Đà Nẵng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số liệu trong báo cáo là số liệu tổng hợp của tất cả các đơn vị trực thuộc (bao gồm cả số liệu của Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng thiết bị Cơ khí, Trung tâm Nghiên cứu Thiết bị Áp lực & Năng lượng mới, ...) thì đánh dấu chọn mục "Bao gồm số liệu của toàn bộ cơ quan.....".

Nếu các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân và có báo cáo riêng, số liệu trong báo cáo chỉ bao gồm những bộ phận trực thuộc không có tư cách pháp nhân thì chọn mục "Chỉ bao gồm số liệu của các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân". Các đơn vị trực thuộc như Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng thiết bị Cơ khí, Trung tâm Nghiên cứu Thiết bị Áp lực & Năng lượng mới phải có báo cáo thống kê cơ sở riêng.

16. Danh sách các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng:

Ghi tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, họ và tên của thủ trưởng đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân.

Ví dụ, nếu đây là báo cáo của Viện Ứng dụng công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, danh sách các đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân có thể gồm:

<i>STT</i>	<i>Tên đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân</i>	<i>Họ và tên thủ trưởng</i>	<i>Địa chỉ, Điện thoại, Fax, Email</i>
1	Trung tâm Công nghệ Laser	Trần Ngọc Liêm	04-38543117 0904xxxxxx
2	Trung tâm công nghệ Vật liệu	Nguyễn Văn An	04-38549425 0983xxxxxx
..

II. THÔNG TIN VỀ CÔNG NGHỆ

** Nếu đơn vị báo cáo có nhiều công nghệ chuyển giao hoặc nhận chuyển giao thì mỗi công nghệ ghi vào một biểu mẫu này.*

C1. Công nghệ:

Đánh dấu vào ô tương ứng trên cột thứ 3 ví dụ:

- C1.1. Nếu đơn vị báo cáo là chuyển giao công nghệ.
- C1.2. Nếu đơn vị báo cáo là nhận chuyển giao công nghệ.

C2. Tên công nghệ:

Ghi tên công nghệ chuyển giao, hoặc nhận chuyển giao theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Ví dụ: Chuyển giao công nghệ chế tạo máy giết mổ gia súc tự động

C3. Giấy phép chuyển giao công nghệ:

Nếu đơn vị báo cáo phải xin cấp phép chuyển giao công nghệ thì đánh dấu vào ô tương ứng của cột số 3.

C4. Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ:

Nếu đơn vị báo cáo có giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ thì đánh dấu vào ô tương ứng của cột số 3.

C5. Giá trị mua bán công nghệ:

Là giá trị mua bán công nghệ quy ra tiền Việt Nam tại thời điểm mua, bán công nghệ, đơn vị tính là triệu đồng Việt Nam, ghi vào ô tương ứng trong cột thứ 3 (nếu có):

- Tổng giá trị mua, bán công nghệ;
- Kinh phí Nhà nước;
- Kinh phí của đơn vị báo cáo;
- Kinh phí của cơ quan quản lý trực tiếp;
- Kinh phí từ các nguồn khác.

C6. Nội dung chuyển giao công nghệ:

Ghi vào các ô tương ứng trong cột thứ 3

- Bí quyết kỹ thuật;
- Trợ giúp kỹ thuật;
- Đào tạo;
- Li xăng đối tượng sở hữu công nghệ;
- Tài liệu kỹ thuật.

C7. Hình thức chuyển giao công nghệ:

Có thể đánh dấu vào 1 ô hoặc cả hai ô (C7.1 và C7.2), phù hợp với nội dung cụ thể trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ của đơn vị báo cáo.

C8. Xuất xứ công nghệ:

Đánh dấu vào những ô tương ứng của cột 3 theo nguồn gốc xuất xứ của công nghệ chuyển giao, ví dụ xuất xứ:

- Nước ngoài;
- Khu vực viện, trường trong nước;
- Doanh nghiệp trong nước.

C9. Năm ra đời công nghệ:

Đánh dấu vào các ô phù hợp tại cột, ví dụ năm báo cáo thông kê là năm 2010 nếu công nghệ ra đời:

- Từ năm 2007-2010 thì đánh dấu vào dòng C9.1 cột 3;
- Từ năm 2005-2006 thì đánh dấu vào ô C9.2 cột 3;
- Từ năm 2004 trở về trước thì đánh dấu vào ô C9.3 cột 3.

III. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM CỦA CÔNG NGHỆ

** Nếu đơn vị báo cáo có nhiều sản phẩm thì mỗi sản phẩm ghi vào một biểu mẫu này.*

S1. Sản phẩm công nghệ:

Đánh dấu vào dòng tương ứng trên cột thứ 3 ví dụ:

- S1.1. Nếu sản phẩm là chuyển giao công nghệ;
- S1.2. Nếu sản phẩm là nhận chuyển giao công nghệ.

S2. Tên công nghệ:

Ghi tên sản phẩm do công nghệ tạo ra theo hợp đồng chuyển giao công nghệ.

Vi dụ: Sản phẩm máy biến áp khô

S3. Ký hiệu sản phẩm:

Ghi ký hiệu hoặc kiểu sản phẩm do công nghệ tạo ra.

Vi dụ: MBAK -25/110-2010

S4. Sản lượng

Ghi tổng sản phẩm tạo ra trong một năm.

S5. Tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm đạt được:

Tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật mà sản phẩm đạt được, đánh dấu vào dòng tương ứng trong cột thứ 3, ví dụ:

- S5.1. Tiêu chuẩn quốc tế: ISO...;
- S5.2. Tiêu chuẩn nước ngoài: (tiêu chuẩn của Nhật: JIS...);
- S5.3. Tiêu chuẩn quốc gia: TCVN hoặc quy chuẩn quốc gia QCVN;
- S5.4. Tiêu chuẩn cơ sở: TCCS.

S6. Công suất dây chuyền sản xuất đạt được so với thiết kế công nghệ ban đầu (%):

Ghi thực tế công suất của dây chuyền công nghệ sau khi nhận chuyển giao đạt được bao nhiêu % so với thiết kế công nghệ ban đầu.

Vi dụ: theo thiết kế dây chuyền công nghệ sản xuất phải đạt công suất 100.000 sản phẩm/năm nhưng thực tế chỉ đạt 90.000 SP/năm thì ghi đánh dấu vào ô của cột ba là: từ 80-100%.

S7. Tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu:

Ghi số lượng sản phẩm xuất khẩu được (theo tỷ lệ %) so với tổng số sản phẩm chuyển giao công nghệ tiêu thụ ra trên thị trường trong một năm.

Vi dụ: đơn vị báo cáo có 70% sản phẩm xuất khẩu trên tổng số sản phẩm chuyển giao công nghệ sản xuất ra trong cả năm thì đánh dấu vào dòng tương ứng trong cột là: S7.1.